

**BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026
(Lần 17,18,19)**

(Kèm theo Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND phường Trần Biên)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Phòng Văn hóa Xã hội	Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng HĐND-UBND	Trung tâm Dịch vụ Tổng	BCH Quân sự phường	Trường THCS Trần	Trung tâm phục vụ HCC	Trạm Y tế	Bản QL DVCI
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	3.308	3.308	3.134	-	-	-	-	174	-	-	-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.308	3.308	3.134					174			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	397	397	-	-	-	-	-	-	-	397	-
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	187	187								187	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	210	210								210	
5	Chi bảo đảm xã hội	1.533	1.533	1.533	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.533	1.533	1.533								
6	Chi hoạt động kinh tế	1.620	1.620	-	-	-	-	-	-	-	-	1.620
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.620	1.620									1.620
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.162	2.162	-	-	-	-	-	-	-	-	2.162
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.162	2.162									2.162
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.101	2.101	-	-	-	2.101	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.101	2.101				2.101					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-									
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-									
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	3.083	3.083	-	-	-	-	3.083	-	-	-	-
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-									
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.083	3.083					3.083				

[illegible]